

**DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN MỞ
TRONG HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2026 - 2027**

Công nghệ vật liệu									
Khoá	mamh	tenmh	sotc	sotietlt	sotietbt	sotietth	sotietthdt	loại hp	Ghi chú
2024	MST10022	Cơ sở khoa học chất rắn	2	30	0	0	0	BB	
2024	MST10026	Vật liệu bán dẫn	2	30	0	0	0	BB	
2024	MST10020	Kỹ thuật biến tính vật liệu	2	30	0	0	0	BB	
2024	MST10015	Tính toán và mô phỏng cho vật liệu	2	15	0	30	0	BB	
2024	MST10025	Vật liệu ceramic	2	30	0	0	0	BB	
2024	MST10024	Vật liệu kim loại, hợp kim	2	30	0	0	0	BB	
2024	MST10017	Các phương pháp phân tích cấu trúc và hình thái vật liệu	2	22.5	15	0	0	BB	
2024	MST10016	Phương pháp chế tạo vật liệu hữu cơ	2	22.5	15	0	0	BB	
2024	MST10005	Thực hành các phương pháp chế tạo vật liệu	2	0	0	60	0	BB	
2024	MST10019	Thực hành kỹ thuật sinh học	2	0	0	60	0	BB	
2023	MSC10012	Hệ thống quản lý chất lượng (QMS)	3	45	0	0	0	BB	
2023	MST10137	Đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp	2	30	0	0	0	BB	
2023	MST10129	Học tập với doanh nghiệp	2	30	0	0	0	BB	
2023	MST10136	Đồ án nghiên cứu và chế tạo vật liệu tiên tiến	2	0	0	0	60	BB	
2023-CPO	MST10140	Hỗn hợp Polymer và vật liệu nhiệt dẻo đàn hồi	2	30	0	0	0	BB	
2023-CPO	MSC10201	Thực tập tổng hợp polymer	2	0	0	60	0	BB	
2023-CPO	MSC10202	Thực tập tính chất cơ lý polymer	2	0	0	60	0	BB	
2023-CYS	MST10202	Vật liệu y sinh 2	2	22.5	15	0	0	BB	
2023-CYS	MST10203	Thực hành chế tạo vật liệu y sinh	2	0	0	60	0	BB	
2023-CYS	MSC10315	Thực hành đánh giá tính chất sinh học của vật liệu	2	0	0	60	0	BB	
2023-CBD	MST10307	Mạch tích hợp cơ bản	2	30	0	0	0	BB	
2023-CBD	MST10305	Thực tập chế tạo và đánh giá linh kiện bán dẫn	2	0	0	60	0	BB	

2023-CBD	MST10306	Mô hình hoá và mô phỏng linh kiện bán dẫn	2	0	0	60	0	BB	
Khoa học vật liệu									
Khoá	mamh	tenmh	sotc	sotietlt	sotietbt	sotietth	sotietthdt	loại hp	Ghi chú
2024	MSC10010	Phương pháp chế tạo vật liệu 1	2	30	0	0	0	BB	
2024	MSC10016	Các phương pháp phân tích vật liệu 2	2	22.5	15	0	0	BB	
2024	MSC10015	Các phương pháp phân tích vật liệu 1	3	45	0	0	0	BB	
2024	MSC10011	Phương pháp chế tạo vật liệu 2	2	30	0	0	0	BB	
2024	MSC10005	Vật liệu kim loại, bán dẫn, điện môi	2	22.5	15	0	0	BB	
2024	MSC10017	Thực hành chế tạo vật liệu	2	0	0	60	0	BB	
2024	MSC10018	Thực hành phương pháp phân tích vật liệu	2	0	0	60	0	BB	
2023-MM	MSC10111	Vật liệu lưu trữ và chuyển hoá năng lượng	2	30	0	0	0	BB	
2023-MM	MSC10113	Pin nhiên liệu	2	30	0	0	0	BB	
2023-MM	MSC10104	Thực tập tổng hợp và phân tích vật liệu chuyên ngành 2	2	0	0	60	0	BB	
2023-MM	MSC10115	Vật liệu quang xúc tác	2	30	0	0	0	TC	Sinh viên chọn 8 tín chỉ trong nhóm loại học phần TC
2023-MM	MSC10114	Vật liệu và cảm biến khí	2	30	0	0	0	TC	
2023-MM	MSC10112	Vật liệu cách âm – cách nhiệt – cơ học	2	30	0	0	0	TC	
2023-MM	MSC10116	Vật liệu và linh kiện lưu trữ dữ liệu	2	30	0	0	0	TC	
2023-MM	MSC10119	Vật liệu thông minh và ứng dụng	2	30	0	0	0	TC	
2023-MM	MSC10120	Thực hành trong vật liệu tính toán	2	0	0	60	0	TC	
2023-MM	MSC10118	Ứng dụng của công nghệ bức xạ trong khoa học vật liệu	2	30	0	0	0	TC	
2023-PO	MSC10206	Hỗn hợp Polymer	2	30	0	0	0	BB	
2023-PO	MSC10204	Kỹ thuật phân tích vật liệu polymer	3	37.5	15	0	0	BB	
2023-PO	MSC10221	Phụ gia polymer	2	22.5	15	0	0	BB	

2023-PO	MSC10220	Vật liệu Polymer trong điện tử và bán dẫn	2	22.5	15	0	0	BB	
2023-PO	MSC10201	Thực tập tổng hợp polymer	2	0	0	60	0	BB	
2023-PO	MSC10202	Thực tập tính chất cơ lý polymer	2	0	0	60	0	BB	
2023-PO	MSC10208	Seminar chuyên ngành	2	0	0	0	60	BB	
2023-YS	MSC10321	Cảm biến sinh học	2	30	0	0	0	TC	Sinh viên chọn 4 tín chỉ trong nhóm loại học phần TC
2023-YS	MSC10317	Trị liệu ung thư bằng phương pháp miễn dịch	2	30	0	0	0	TC	
2023-YS	MSC10316	Vật liệu ứng dụng trong nha khoa	2	30	0	0	0	TC	
2023-YS	MSC10318	Vật liệu dẫn truyền thuốc	2	30	0	0	0	TC	
2023-YS	MSC10306	Kỹ thuật Y Sinh	3	45	0	0	0	BB	
2023-YS	MSC10319	Học tập với doanh nghiệp	2	15	0	30	0	BB	
2023-YS	MSC10315	Thực hành đánh giá tính chất sinh học của vật liệu	2	0	0	60	0	BB	
2023-YS	MSC10320	Thực hành chế tạo vật liệu y sinh	3	0	0	90	0	BB	